TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM SÁCH** **HẢI DƯƠNG** ----------	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 60/2022/HS-ST
Ngày: 10/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thúy Hằng.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Minh Trang
2. Bà Bùi Thị Quy.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Phạm Thị Hiên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà***: Ông Phùng Văn Huấn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 47/2023/TLST-HS ngày 31/5/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXST-HS ngày 27/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/HSST-QĐ, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Bùi Minh N** , sinh năm: 2003; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Nơi sinh, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: khu dân cư V, phường NĐ, thành phố C, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông BH (sinh năm 1976) và bà CT (sinh năm 1978); Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không.

Biện pháp ngăn chặn: bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/4/2023 đến ngày 05/4/2023 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.

Bị cáo có mặt.

2. Họ và tên: **Khổng Thị N2**, sinh năm: 1996; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Nơi sinh: Xã Đ, thành phố B, tỉnh BG; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 3, G, phường N, quận T, thành phố H; Đăng ký tạm trú: số 16, ngách 11,

ngõ 74, thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông KV (sinh năm 1975) và bà KS (đã chết); Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ nhất; Chồng là VH, sinh năm 1988; Bị cáo có 02 con sinh năm 2018 và năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không.

Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại**:

- Chị H1, sinh năm 1992; Địa chỉ: thôn TP, xã TQ, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Anh H3, sinh năm 1991; Địa chỉ: thôn ML, xã ĐL, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Chị H4, sinh năm 1973; Địa chỉ: số 144, đường TH, khu LX, thị trấn N, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Chị H5, sinh năm 1993; Địa chỉ: xóm 2, thôn C, xã VH, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Chị H6, sinh năm 1983; Địa chỉ: xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Chị H7, sinh năm 1990; Địa chỉ: thôn PL, xã HP, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Chị H8, sinh năm 1981; Địa chỉ: Đường TH, khu L, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Chị H9, sinh năm 2001; Địa chỉ: khu LX, thị trấn NS, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Chị M, sinh năm 1991; Địa chỉ: phố B, Khu .., phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Chị M1, sinh năm 1993; Địa chỉ: N, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Những người bị hại đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Khoảng tháng 9/2022, do thiếu tiền chi tiêu cá nhân nên Bùi Minh N nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác. Qua mạng xã hội, N biết Khổng Thị N2 có tài khoản facebook "MP" và biết N2 có thể chỉnh sửa được hình ảnh giả các hóa đơn chuyển tiền qua ứng dụng Smart banking của ngân hàng hoặc biến động số dư tài khoản. N liên hệ và thống nhất với N2: Khi cần hình ảnh hóa đơn giả, N sẽ nhắn thông tin cho N2 và N2 làm giả hình ảnh các hóa đơn chuyển tiền qua ứng dụng Smart banking của ngân hàng hoặc biến động số dư tài khoản của N để chuyển cho N. Tiền công của N2 là 40.000đồng/01 hình ảnh hóa đơn giả và 20.000đồng/01 hình ảnh biến động số dư tài khoản. N sử dụng tài khoản

zalo có tên "Minh N" nhắn tin đến tài khoản zalo có tên "N2" của Khổng Thị N2 các thông tin gồm số tài khoản, ngân hàng thụ hưởng, người thụ hưởng, số tiền cần thanh toán để N2 chỉnh sửa hình ảnh các hóa đơn giả giao dịch đã chuyển tiền, biến động số dư tài khoản. Khi nhận được thông tin N cung cấp, N2 sử dụng ứng dụng chỉnh sửa hình ảnh "*Canva*" trên điện thoại của mình, thực hiện chỉnh sửa thông tin hình ảnh để tạo thành một hình ảnh hóa đơn giao dịch chuyển tiền giả và hình ảnh biến động số dư giả rồi gửi lại cho N. Sau khi nhận được hình ảnh N2 gửi, N cho bị hại xem hình ảnh giả hóa đơn đã chuyển tiền thành công hoặc biến động số dư tài khoản của N để những người này tin tưởng là N đã thanh toán cho họ qua tài khoản ngân hàng đối với số tiền hàng hóa, dịch vụ hoặc số tiền mặt mà họ đã đưa thêm cho N. Nếu bị hại chưa nhận tiền vào tài khoản, yêu cầu N trả tiền thì N tiếp tục nói dối do ngân hàng bị lỗi nên chưa nhận được tiền. Bị hại đòi tiền nhiều lần thì N trả bằng tiền mặt cho họ.

Bằng thủ đoạn gian dối như trên, trong khoảng thời gian từ ngày 30/12/2022 đến ngày 26/3/2023, N và N2 thực hiện 10 hành vi như sau:

Hành vi thứ nhất: Khoảng 10 giờ ngày 30/12/2022, tại quán salon tóc T, địa chỉ thôn L, xã T, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, N và N2 chiếm đoạt của chị H1, sinh năm 1991, trú tại thôn T, xã T, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương (*nhân viên của quán*) số tiền 2.180.000đồng.

Hành vi thứ hai: Khoảng 09 giờ ngày 15/01/2023, tại quán ăn sáng của gia đình anh H3, sinh năm 1991, địa chỉ thôn M, xã Đ, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, N và N2 chiếm đoạt của anh Quyết số tiền 2.040.000đồng.

Hành vi thứ ba: Khoảng 21 giờ ngày 20/01/2023, tại quán Zalo của chị H4, sinh năm 1973, địa chỉ số 144, đường TH, khu L, thị trấn N, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, N và N2 chiếm đoạt của chị H4 số tiền 1.100.000đồng.

Hành vi thứ tư: Khoảng 11 giờ ngày 12/3/2023, tại cửa hàng mỹ phẩm HT của chị H5, sinh năm 1993, địa chỉ xóm 2, thôn C, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương, N và N2 chiếm đoạt của chị H5 số tiền 1.200.000đồng.

Hành vi thứ năm: Khoảng 12 giờ ngày 12/3/2023, tại cửa hàng quần áo "S", địa chỉ tại số 143, TNT, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương, N và N2 chiếm đoạt của chị H6, sinh năm 1983, địa chỉ xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương số tiền 960.000đồng.

Hành vi thứ sáu: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 18/3/2023, tại quán nước "1989", địa chỉ thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương, N và N2 chiếm đoạt của chị H7, sinh năm 1990, trú tại thôn P, xã H, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương số tiền 1.050.000đồng.

Hành vi thứ bảy: khoảng 19 giờ ngày 22/3/2023, tại hiệu thuốc của chị H8, sinh năm 1981, địa chỉ khu L, thị trấn N, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, N và N2 chiếm đoạt của chị H8 số tiền 1.073.000đồng.

Hành vi thứ tám: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 22/3/2023, tại quán "Nail" của chị H9, sinh năm 2001, địa chỉ: khu L, thị trấn N, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, N và N2 chiếm đoạt của chị H9 số tiền 1.150.000đồng.

Hành vi thứ chín: khoảng 17 giờ ngày 26/3/2023, tại cửa hàng bán quần áo "D" của chị M, sinh năm 1991, địa chỉ tại khu T, phường Q, thành phố Hải Dương, N và N2 chiếm đoạt của chị M số tiền 1.510.000đồng.

Hành vi thứ mười: khoảng 20 giờ ngày 26/3/2023, tại cửa hàng bán đồ lưu niệm có tên "TT" của chị M1, sinh năm 1993, địa chỉ khu N, phường Q, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, N và N2 chiếm đoạt của chị M1 số tiền 2.030.000đồng.

Tổng số tiền Bùi Minh N, Khổng Thị N2 đã chiếm đoạt của 10 bị hại là 14.293.000đồng.

Về vật chứng: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone Xr, vỏ ngoài màu xansau lưng máy bị nứt hình chân chim, bên trong lắp sim số 0963.125.426 thu giữ của Bùi Minh N; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi vỏ ngoài màu xanh (không lắp sim) thu giữ của Khổng Thị N2.

Về trách nhiệm dân sự: Bùi Minh N đã bồi thường đầy đủ tiền chiếm đoạt của các bị hại là chị H1, anh H3, chị H7, chị H9 trước khi hành vi của bị cáo N bị khởi tố. Ngoài ra, N tác động gia đình bồi thường cho các bị hại là chị H8, chị H4, chị H5, chị H6, chị M và chị M1. Tất cả các bị hại đã nhận lại số tiền bị chiếm đoạt, không có yêu cầu, đề nghị gì khác về trách nhiệm dân sự.

Tại bản Cáo trạng số 53/CT-VKS-NS ngày 30/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương truy tố Bùi Minh N và Khổng Thị N2 về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Bùi Minh N, Khổng Thị N2 thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu và tỏ thái độ ăn năn hối hận về hành vi đã thực hiện. Các bị cáo đều thấy không bị oan, nhận thức được hành vi phạm tội của mình đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu của người khác.

Bị cáo N đã trả lại tiền cho chị H1, anh H3, chị H4, chị H5 trước khi hành vi phạm tội bị khởi tố. Khi bị tạm giam, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường đầy đủ cho 06 bị hại còn lại. Bị cáo N không yêu cầu bị cáo N2 phải hoàn lại cho bị cáo số tiền đã chuyển cho N2.

Bị cáo N2 đã nộp lại toàn bộ số tiền do phạm tội mà có.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Bùi Minh N, Khổng Thị N2 phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với cả hai bị cáo. Áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo N. Áp dụng thêm điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo N2. Xử phạt bị cáo N từ 04-06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 01/4/2023. Xử phạt bị cáo N2 từ 04-06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Về trách nhiệm dân sự: Không phải giải quyết. Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu cho phát mại sung quỹ Nhà nước 02 chiếc điện thoại; Tịch thu số tiền 540.000đ bị cáo N2 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Sách sung quỹ Nhà nước. Tịch thu cho tiêu hủy 01 sim điện thoại. Về án phí: Bị cáo N, và bị cáo N2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

* Lời nói sau cùng:

- Bị cáo N trình bày: Trong thời gian bị tạm giam, bị cáo đã suy nghĩ rất nhiều về hành bi của mình. Bị cáo rất ân hận về hành vi đã thực hiện. Bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được về với gia đình và xã hội.

- Bị cáo N2: Bị cáo rất ân hận về hành vi của mình. Bị cáo đang mang thai ở tháng thứ 7, một mình nuôi hai con còn nhỏ. Ba mẹ con bị cáo đang ở cùng bà ngoại già yếu. Chồng bị cáo bỏ mặc ba mẹ con bị cáo tự lo cho nhau. Bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo để bị cáo sớm được về nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Sách, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, phù hợp với vật chứng thu được và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, thể hiện diễn biến nội dung vụ việc và hành vi của các bị cáo như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 30/12/2022 đến ngày 26/3/2023, trên địa bàn huyện Nam Sách, huyện Thanh Hà, thành phố Hải Dương, bị cáo Bùi Minh N và bị cáo Khổng Thị N2 đã thực hiện các hành vi đưa ra thông tin gian dối bằng việc tạo hình ảnh giả của biên lai chuyển tiền thành công hoặc biến động về số dư tài khoản của N thể hiện về việc N đã chuyển tiền sau khi nhận hàng hóa, dịch vụ từ người bán/cung cấp dịch vụ hoặc đề nghị họ đưa thêm tiền mặt rồi N chuyển tiền cho họ qua tài khoản ngân hàng trên ứng dụng Smart banking trên điện thoại di động nhằm chiếm đoạt tài sản của 10 người với các khoản tiền như sau: chị H1, số tiền 2.180.000đồng; anh H3, số tiền 2.040.000đồng; chị H4, số tiền 1.100.000đồng; chị H5, số tiền 1.200.000đồng; chị H6 số tiền 960.000đồng; chị H7 số tiền 1.050.000đồng; chị H8 số tiền 1.073.000đồng; chị H9 số tiền 1.150.000đồng; chị M số tiền 1.510.000đồng; chị M1, số tiền 2.030.000đồng. Tổng số tiền Bùi Minh N, Khổng Thị N2 đã chiếm đoạt của 10 người là 14.293.000đồng. Trong đó N được hưởng số tiền 13.753.000đồng, N2 được hưởng số tiền 540.000đồng.

Bị cáo N và bị cáo N2 là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đưa ra thông tin gian dối nhằm chiếm đoạt của 10 người với tổng số tiền là 14.293.000đồng là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện vì mục đích tư lợi cá nhân. Do đó, hành vi của bị cáo Bùi Minh N và bị cáo Khổng Thị N2 đã đủ yếu tố cấu thành tội: tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách truy tố bị cáo Bùi Minh N và bị cáo Khổng Thị N2 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi của các bị cáo.

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó N là người khởi xướng và thực hành tích cực. Bị cáo N2 giữ vai trò giúp sức. Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vai trò của từng bị cáo để áp dụng hình phạt cho phù hợp.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo thực hiện 10 hành vi lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản của 10 bị hại trong đó có 03 hành vi mà mỗi hành vi chiếm đoạt được số tiền trên 2.000.000đồng. Do đó, các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo N và N2 đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; Bị cáo N tự nguyện bồi thường thiệt hại và tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại, đã ra đầu thú tại cơ quan công an; Bị cáo N2 thực hiện hành vi phạm tội trong khi đang có thai, đã tự nguyện nộp lại số tiền do phạm tội mà có. Các bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho cả hai bị cáo. Do đó, bị cáo N và N2 đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo N được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo N2 được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Cả hai bị cáo đều là phụ nữ, bị cáo N còn trẻ; Bị cáo N2 có hoàn cảnh rất khó khăn với hai còn còn nhỏ và lại đang mang thai; Các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với các bị cáo cũng đủ giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có việc làm ổn định, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại toàn bộ số tiền mà bị cáo N và N2 đã chiếm đoạt và không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[8] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Bị cáo N đã bồi thường cho các bị hại số tiền mà các bị cáo N và N2 đã chiếm đoạt. Bị cáo N không yêu cầu bị cáo N2 phải hoàn trả cho bị cáo N số tiền đã chuyển cho bị cáo N2. Bị cáo N2 tự nguyện nộp lại số tiền 540.000đồng do phạm tội mà có. Vì vậy, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 540.000đồng bị cáo N2 đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0001489 ngày 07/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Sách.

Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Bùi Minh N sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anlpha màu đen bạc, biển số 34B1-539… để đi lại. Chiếc xe này của chị CT (*mẹ đẻ của N*). Chị CT không biết N sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Sách đã trả lại cho chị CT là có căn cứ.

Bị cáo N sử dụng chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone Xr vỏ ngoài màu xanh có lắp sim; Bị cáo N2 sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh không lắp sim làm công cụ phạm tội nên cần tịch thu cho phát mại sung quỹ Nhà nước.

Chiếc sim điện thoại số 09631254.. trong máy điện thoại của bị cáo N là công cụ phạm tội không còn giá trị sử dụng cần tịch thu cho tiêu hủy.

[9] Về các vấn đề khác: Ngoài 10 hành vi nêu trên, N và N2 còn có hành vi đưa ra thông tin gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác. Tuy nhiên, các bị cáo không nhớ được thông tin của bị hại, không có thông tin, hình ảnh về việc giả chuyển tiền và giả biến động số dư nên cơ quan điều tra chưa có căn cứ xác minh làm rõ.

[10] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Minh N và Khổng Thị N2 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Căn cứ: khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Minh N 04 (bốn) tháng 09 (chín) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 01/4/2023. Trả tự do cho bị cáo Bùi Minh N ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Căn cứ: khoản 1 Điều 174; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Khổng Thị N2 04 (bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

4. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 540.000đồng bị cáo Khổng Thị N2 đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0001489 ngày 07/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Sách.

- Tịch thu cho phát mại sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone XR vỏ ngoài màu xanh; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh.

- Tịch thu cho tiêu hủy 01 sim điện thoại số 0963125426.

(Đặc điểm của vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan công an huyện Nam Sách và Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Sách).

5. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Bị cáo Bùi Minh N và Khổng Thị N2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bán án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thúy Hằng

Nơi nhận:
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Nam Sách;
- CQCSĐT công an huyện Nam Sách;
- CQTHAHS-công an huyện Nam Sách;
- CCTHADS huyện Nam Sách;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương;
- BP HSNV Công an huyện Nam Sách;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu VP

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Trang Bùi Thị Quy ***Phạm Thuý Hằng***